Câu 1.

Đọc đoạn thơ dưới đây và cho biết bạn nhỏ ước mơ trở thành ai?

Em mong ngày khôn lớn

Sẽ vượt sóng ra khơi

Cũng cầm chắc cây súng

Giữ lấy biển lấy trời.

(Vân Đài)

A. Phóng viên thời tiết

B. Chiến sĩ hải quân

C. Bác sĩ thú y

D. Chiến sĩ kiểm lâm

Câu 2.

Câu nào dưới đây có từ viết sai chính tả?

A. Nơi sông và biển giao nhau được gọi là cửa biển.

B. Tiếng vượn kêu rội vào núi đá, vang vọng ra xa mãi.

C. Em và chị đi dạo trên con đường nằm giữa hai bờ lúa thơm.

D. Ở nơi đây, dân cư sống rải rác dọc bên cạnh con suối nhỏ.

Câu 3.

Câu nào dưới đây sử dụng sai dấu câu?

A. Đó là một cuốn sách hay và ý nghĩa.

B. Bạn thích chơi đá bóng hay đá cầu.

C. Mẹ hay làm bánh cho cả gia đình.

D. Bố hay đưa em đi chơi công viên.

Câu 4.

Đọc đoạn văn dưới đây và cho biết bạn nhỏ có phẩm chất gì?

Một buổi, trời đầy dông bão. Chim sâu bị gió thổi bạt vào một khung cửa sổ và rơi xuống nền nhà. Một cậu bé chạy tới nâng chim sâu lên và đặt nó trong một chiếc hộp cứng. Sáng hôm sau, trời quang mây tạnh, cậu bé đến mở nắp hộp, nhẹ nhàng nâng chim sâu trên tay.

(Nguyễn Đình Quảng)

A. Cậu bé rất dũng cảm, thật thà.

B. Cậu bé rất nhân hậu, biết yêu thương loài vật.

C. Cậu bé rất chăm chỉ, biết làm việc nhà giúp bố mẹ.

D. Cậu bé rất yêu thương, nhường nhịn em gái.

Câu 5.

Câu văn nào dưới đây có sử dụng biện pháp so sánh?

A. Hoa hướng dương vươn lên tựa ông mặt trời tí hon.

B. Hoa hồng nở thơm ngát trong khu vườn.

C. Hoa sữa toả hương thơm nồng nàn.

D. Hoa sen toả hương thơm thanh khiết.

Câu 6.

Đáp án nào dưới đây chỉ gồm các từ chỉ đặc điểm?

A. đan xen, hiền hoà, lúc lắc

B. chao liệng, ngạo nghễ, bay bổng

C. lạnh lùng, nhanh nhẹn, rụt rè

D. lúc lỉu, mượt mà, chạm khắc

Câu 7.

Đọc đoạn văn sau và chọn đáp án đúng.

(1) Chú của bạn Hoa là bộ đội biên phòng. (2) Chú thường hay gọi điện về nhà, kể cho Hoa nghe những câu chuyện thú vị nơi biên cương. (3) Chú của Hoa rất dũng cảm, kiên cường và gan dạ. (4) Công việc của chú vô cùng khó khăn, gian khổ, vất vả. (5) Chú thường đi tuần tra, bảo vệ và giữ gìn trật tự biên giới quốc gia.

(Theo Thu Lan)

A. Câu 2 và 4 là câu nêu đặc điểm.

B. Câu 3 và 4 là câu nêu đặc điểm.

C. Câu 1 và 5 là câu nêu đặc điểm.

D. Câu 3 và 5 là câu nêu đặc điểm.

Câu 8.

Đoạn văn dưới đây thể hiện điều gì?

Mùa xuân, lá bàng mới nảy trông như những ngọn lửa xanh. Sang hè, lá lên thật dày, ánh sáng xuyên qua chỉ còn là màu ngọc bích. Khi lá bàng ngả sang màu lục, ấy là mùa thu. Sang đến những ngày cuối đông, mùa của lá rụng, nó lại có vẻ đẹp riêng. Những lá bàng mùa đông đỏ như đồng ấy, tôi có thể nhìn cả ngày không chán.

(Đoàn Giỏi)

A. Sự phát triển của cây bàng từ khi còn nhỏ đến lớn

B. Sự tàn lụi dần của cây bàng theo thời gian

C. Vẻ đẹp giản dị của hoa bàng

D. Vẻ đẹp của lá bàng trong mỗi mùa

Câu 9.

Đáp án nào dưới đây là cặp từ có nghĩa trái ngược nhau dùng để miêu tả tính cách?

A. chăm chỉ - siêng năng

B. nhút nhát - bạo dạn

C. dịu dàng - thuỳ mị

D. hiền lành - hiền từ

Câu 10.

Câu nào dưới đây là câu khiến?

A. Bạn giảng lại bài này giúp tớ với!

B. Bài toán này khó quá!

C. Cô giáo dạy chúng em học phép nhân.

D. Chúng em học Toán với cô Hà.

Câu 11.

Hình ảnh dưới đây có thể dùng để minh hoạ cho đoạn thơ nào?

A group of cows grazing in a grassy field

Description automatically generated

A. Con trâu đen lông mượt

Cái sừng nó vênh vênh.

B. Đàn bò vàng trên đồng cỏ xa xanh

Gặm cả hoàng hôn, gặm buổi chiều sót lại.

C. Dưới gốc đa già trong vũng bóng

Nằm mát đàn trâu ngẫm nghĩ nhai.

D. Những trưa đồng đầy nắng

Trâu nằm nhai bóng râm.

Câu 12.

Giải câu đố sau:

Giữ nguyên là chỗ bé nằm

Thêm huyền nấu nướng món ăn hằng ngày.

Từ thêm huyền là từ gì?

A. thìa

B. bình

C. nồi

D. dầu

Câu 13.

Đọc đoạn văn sau và chọn đáp án đúng.

(1) Tháng Ba, giàn thiên lí xanh mượt, tươi non, rất thích mắt. (2) Hoa thiên lí xanh nhạt, có năm cánh như ngôi sao nhỏ, thơm dìu dịu mỗi khi đêm xuống. (3) Bố tôi thường bắc chiếc thang dưới giàn, hái từng chùm thiên lí vào cho mẹ nấu cơm. (4) Những món ăn được nấu từ thiên lí đều có một hương vị rất riêng, độc đáo mà cũng giản dị vô cùng.

(Thảo Nhi)

A. Đoạn văn trên có 3 câu nêu đặc điểm.

B. Đoạn văn trên có 2 câu sử dụng biện pháp so sánh.

C. Từ "nhỏ xíu" có nghĩa giống với từ in đậm trong đoạn văn trên.

D. Câu số 3 và 4 là câu nêu hoạt động.

Câu 14.

Điền "ch" hoặc "tr" thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành đoạn thơ dưới đây:

Quê hương là cầu [[tre]] nhỏ

Mẹ về nón lá nghiêng [[che]]

Quê hương là đêm [[trăng]] tỏ

Hoa cau rụng [[trắng]] ngoài hè.

(Theo Đỗ Trung Quân)

Câu 15.

Điền dấu câu thích hợp vào chỗ trống trong đoạn hội thoại sau:

Vy đang học bài trong nhà thì thấy bà đến chơi, Vy reo to:

- A! Cháu chào bà! Cháu nhớ bà lắm [[!]]

Bà xoa đầu Vy hỏi:

- Độ này cháu học hành thế nào [[?]]

Vy đáp:

- Cháu vừa được hai điểm Mười bà ạ.

Bà khen:

- Cháu giỏi quá [[!]]

(Sưu tầm)

Câu 16.

Điền số thích hợp vào chỗ trống:

Từ bốn tiếng "tiện, thuận, hoà, lợi" có thể ghép được tất cả [[6]] từ.

Câu 17.

Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu tục ngữ sau:

Trăm [[hay]] không bằng tay quen.

Câu 18.

Điền số thích hợp vào chỗ trống:

Gió reo gió hát

Giọng trầm giọng cao

Chớp dồn tiếng sấm

Chạy trong mưa rào.

(Trần Tâm)

Đoạn thơ trên có [[3]] từ chỉ đặc điểm.

Câu 19.

Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống để hoàn thành đoạn thơ sau:

(uống, hát, ăn)

Trưa nay bà mệt phải nằm

Thương bà, cháu đã giành phần nấu cơm

Bà cười: vừa nát vừa thơm

Sao bà [[ăn]] được nhiều hơn mọi lần?

(Theo Vương Thừa Việt)

Câu 20.

Điền số thích hợp vào chỗ trống:

(1) Nhà Rông là một nét văn hoá đặc sắc của đồng bào dân tộc Tây Nguyên. (2) Nhà Rông không chỉ độc đáo về kiến trúc mà còn có giá trị tinh thần rất lớn. (3) Dân làng đến đây để tụ họp trong những dịp sinh hoạt chung và tổ chức lễ hội. (4) Họ cùng nhau uống rượu cần, trò chuyện vui vẻ và đánh cồng chiêng.

(Theo Hoàng Lan)

Trong đoạn văn trên, câu số [[2]] là câu nêu đặc điểm.

Câu 21.

Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Ai mang nước ngọt nước lành

Ai đeo bao hũ rượu quanh cổ dừa

Tiếng dừa làm dịu nắng trưa

Gọi đàn gió đến cùng dừa múa deo.

(Theo Trần Đăng Khoa)

Từ viết sai chính tả trong đoạn thơ trên là từ [[deo]] , sửa đúng là [[reo]] .

Câu 22.

Điền số thích hợp vào chỗ trống:

1. Cây ngay không sợ chết đứng.

2. Đầu năm mua muối, cuối năm mua vôi.

3. Ăn kĩ no lâu, cày sâu tốt lúa.

Câu tục ngữ ở vị trí số [[2]] chứa cặp từ có nghĩa trái ngược nhau.

Câu 23.

Điền số thích hợp vào chỗ trống:

1. Buôn may bán đắt

2. Vạn sự như ý

3. Chân cứng đá mềm

Thành ngữ ở vị trí số [[3]] có thể thay thế cho bộ phận in đậm trong câu văn "Trước khi đi xa, bạn bè đến tiễn và chúc anh mạnh mẽ, vượt qua được mọi gian lao, trở ngại .".

Câu 24.

Điền từ bắt đầu bằng "r/d" hoặc "gi" là tên một loài thú nhỏ, thân hình hơi giống chuột, chi trước biến thành đôi cánh, thường bay đi kiếm ăn từ lúc chập tối.

Đáp án: từ [[dơi]]

Câu 25.

Câu chuyện dưới đây đang bị đảo lộn trật tự các ý. Em hãy sắp xếp lại bằng cách đánh số thứ tự đúng vào ô trống trước mỗi câu.

[5] Người bán vé ngạc nhiên rồi nói: "Ông đã có thể tiết kiệm ba đồng nếu ông nói rằng đứa lớn chỉ mới sáu tuổi, thực ra tôi không thể nhận ra được điều đó.”.

[2] Anh bạn tôi hỏi mua vé thì người bán vé trả lời: "Ba đồng một vé cho người lớn và trẻ em trên sáu tuổi. Trẻ em từ sáu tuổi trở xuống được vào cửa miễn phí. Các cậu bé này bao nhiêu tuổi?".

[1] Vào một buổi chiều, tôi cùng một người bạn và hai đứa con của anh ấy đến khu vui chơi giải trí.

[3] Bạn tôi nói rằng: “Đứa nhỏ bốn tuổi còn đứa lớn bảy tuổi. Như vậy tôi phải trả cho chị chín đồng tất cả.”.

[4] Người bạn tôi đáp lại: "Chị có thể không biết nhưng bọn trẻ thì có và tôi không muốn bán đi sự kính trọng của chúng đối với mình chỉ với ba đồng.".

Câu 26.

Hãy ghép các câu ở cột bên trái với nhóm thích hợp ở cột bên phải.

- Bạn về quê chơi có vui không? [(Câu hỏi)]

- Con nhớ phải nghe lời ông bà nhé! [(Câu khiến)]

- Ôi, không khí ở quê trong lành quá! [(Câu cảm)]

- Hè đến, em được về quê thăm ông bà. [(Câu kể)]

Cột bên phải:

- Câu cảm

- Câu khiến

- Câu hỏi

- Câu kể

Câu 27.

Ghép hai vế để được cặp từ có nghĩa giống nhau.

- thông thạo [(tinh thông)]

- dành dụm [(tiết kiệm)]

- lác đác [(thưa thớt)]

- ung dung [(thong dong)]

- loanh quanh [(vòng vo)]

Câu 28.

Hãy ghép hai vế với nhau để tạo thành câu nêu hoạt động.

- Chú phi công [(thận trọng điều khiển tàu bay cất cánh.)]

- Bác đầu bếp [(chế biến những món ăn ngon để phục vụ khách hàng.)]

- Cô y tá [(chăm sóc chu đáo cho từng bệnh nhân.)]

- Bác thợ nề [(cần mẫn xây dựng bức tường cho ngôi nhà.)]

Câu 29.

Ghép hai vế để được cặp từ có nghĩa trái ngược nhau.

- đông đúc [(vắng vẻ)]

- phức tạp [(đơn giản)]

- mở đầu [(kết thúc)]

- bận rộn [(nhàn rỗi)]

- tiến bộ [(thụt lùi)]

Câu 30.

Hãy ghép hai vế để tạo thành câu văn có sử dụng biện pháp so sánh.

- Chú tắc kè biến đổi màu da [(như một nhà ảo thuật.)]

- Chiếc vỏ của chú ốc sên [(như một ngôi nhà luôn mang bên mình.)]

- Chú sứa [(như một chiếc ô trong suốt.)]

- Chú thỏ trắng [(như một cục bông mịn màng.)]